TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2024/DS-PT
Ngày 21/10/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Nguyễn Văn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2024/TLPT - DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2024/DSST, ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Phạm Thị D, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc R, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Vũ P, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Ngọc R là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Phạm Thị D là nguyên đơn trình bày:

Bà D là thành viên góp hụi do bà Nguyễn Thị Ngọc R làm chủ hụi với 03 dây hụi như sau:

- Dây thứ 01: hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 24/02/2022 âl (nhằm ngày 26/3/2022) mãn hụi ngày 24/02/2024 âl (nhằm ngày 02/4/2024), gồm có 27 phần, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này bà hốt hụi ở lần khui thứ 16, kêu hụi 1.500.000đ hốt, tiền huê hồng cho chủ hụi là 2.500.000đ. Sau khi trừ huê hồng thì bà R phải giao cho bà số tiền 111.000.000đ. Tuy nhiên sau đó bà R chỉ giao cho bà số tiền 20.000.000đ rồi ngưng. Dây hụi này bà R còn nợ lại bà số tiền 91.000.000đ.

- Dây thứ 02: hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 02/3/2022 âl (nhằm ngày 02/4/2022), hụi mãn ngày 02/01/2024 âl (nhằm ngày 11/02/2024), gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này bà hốt hụi ở lần khui thứ 16, kêu hụi 1.800.000đ hốt, tiền huê hồng cho chủ hụi là 2.500.000đ. Sau khi trừ tiền huê hồng thì bà R phải giao cho bà số tiền 98.100.000đ. Tuy nhiên bà R chỉ giao cho bà số tiền 10.000.000đ rồi ngưng. Dây hụi này bà R còn nợ lại bà số tiền 88.100.000đ.

- Dây thứ 03: hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 06/5/2022 âl (nhằm ngày 04/6/2022) mãn ngày 06/9/2023 âl (nhằm ngày 08/10/2023), gồm có 18 phần, bà tham gia 01 phần. Dây hụi này bà hốt hụi ở lần khui thứ 16, kêu hụi 500.000đ hốt, trừ tiền huê hồng cho chủ hụi là 2.500.000đ. Sau khi trừ huê hồng thì bà R phải giao cho bà số tiền 81.500.000đ. Sau đó bà R chỉ giao được 20.000.000đ rồi ngưng. Dây hụi này bà R còn nợ lại bà số tiền 61.500.000đ.

Tổng cộng 03 dây hụi bà R phải giao cho bà số tiền là 290.600.000đ, tuy nhiên bà chỉ lấy tiền đúng với số lần đã đóng, cụ thể là dây 1 đóng 15 lần x 5.000.000đ = 75.000.000đ; dây 02 đóng 15 lần x 5.000.000đ = 75.000.000đ; dây 3 đóng 15 lần x 5.000.000đ = 75.000.000đ, tổng cộng là 225.000.000đ. Bà R có giao cho bà số tiền 109.500.000đ, còn lại 115.500.000đ chưa giao. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà R, ông P có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản khai ý kiến ngày 23/4/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Ngọc R là bị đơn trình bày:

Bà R thừa nhận bà D có tham gia góp hụi do bà R làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 24/02/2022 âl (nhằm ngày 26/3/2022), mãn hụi ngày 24/02/2024 âl (nhằm ngày 02/4/2024), gồm có 27 phần, bà D tham gia 01 phần. Dây hụi này bà D đóng được 15 lần, (lần khui thứ 16 bà D không có đóng hụi), lần thứ 17 bà D kêu hụi 1.550.000đ và bà D hốt

hụi, trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 2.500.000đ, sau khi trừ tiền huê hồng thì bà phải giao cho bà D số tiền 107.000.000đ. Tuy nhiên bà chỉ mới giao cho bà D số tiền 50.000.000đ, còn lại 57.000.000đ chưa giao. Trong dây hụi này còn 04 hụi viên nợ bà số tiền 20.000.000đ nên bà có thỏa thuận mượn lại bà D số tiền còn thiếu, khi nào 04 hụi viên trên đóng hụi thì bà sẽ giao tiền hụi cho bà D. Dây hụi này bà còn nợ bà D số tiền 37.000.000đ.

Dây hụi 02: Hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 02/3/2022 âl (nhằm ngày 02/4/2022) mãn hụi ngày 02/01/2024 âl (nhằm ngày 11/02/2024), gồm có 24 phần, bà D tham gia 01 phần. Dây hụi này chị D đóng được 15 lần, lần khui thứ 16 bà D không có đóng hụi, bà D hốt hụi ở lần khui thứ 17 bà D kêu hụi 1.800.000đ. Sau khi trừ huê hồng cho chủ hụi 2.500.000đ thì bà phải giao cho bà D số tiền 94.900.000đ. Tuy nhiên bà D không có đóng hụi chết 07 lần với số tiền là 35.000.000đ cộng với bà mượn 04 hụi viên nợ là 20.000.000đ (do chị với chị D thỏa thuận khi nào 04 hụi viên kia đóng cho bà thì mới giao hụi cho bà D). Như vậy 94.900.000đ – 55.000.000đ = 39.900.000đ. Như vậy dây hụi này bà nợ bà D số tiền 39.900.000đ.

- Dây hụi 03: hụi tháng 5.000.000đ khui ngày 06/5/2022 âl (nhằm ngày 04/6/2022), mãn hụi ngày 06/9/2023 âl (nhằm ngày 08/10/2023) gồm có 18 phần, bà D tham gia 01 phần. Dây hụi này bà D đóng hụi được 13 lần rồi ngưng không đóng tiếp. Dây hụi này bà chỉ đồng ý trả hụi sống cho bà D số tiền đóng vào 13 lần là 44.850.000đ.

Tổng cộng 03 dây hụi bà còn nợ bà D số tiền 121.750.000đ. Trong khi đó bà D đã nhận của bà 113.350.000đ nên bà còn nợ 8.400.000đ. Nay bà thống nhất trả cho bà D số tiền 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Vũ P trình bày:

Ông và bà R kết hôn năm 2023 nên việc bà R và bà D góp hụi như thế nào ông không biết nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D. Ông không có trách nhiệm liên đới với bà R trả nợ cho bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 122/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm .

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc R và ông Trần Vũ P có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị D số tiền nợ hụi là 103.320.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm hai chục nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định bà Nguyễn Thị Ngọc R kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Bà R chỉ đồng ý trả bà D số tiền hụi còn nợ là 33.400.000đ và trả lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 26/3/2022 đến ngày 26/9/2024 là 02 năm, 06 tháng với số tiền lãi là 8.350.000đ, tổng cộng 41.750.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc R vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo;

Bà Phạm Thị D không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm , thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí, giải quyết.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Ngoc R1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn kháng cáo không căn cứ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc R còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc R;

[1] Về dây hụi: bà D và bà R đều thống nhất và thừa nhận bà D có tham gia góp 03 phần hụi của 03 dây hụi do bà R làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000đ. Tình tiết, sự kiện này được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về số tiền hụi: bà D và bà R không thỏa thuận được số tiền bà R đang còn nợ bà D đối với 03 dây hụi nêu trên. Bà D yêu cầu bà R và chồng là ông Trần Vũ P có trách nhiệm trả lại tiền hụi còn nợ là 115.500.000đ (Một trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), bà R không đồng ý theo yêu cầu của bà D, chỉ đồng ý trả

bà D số tiền 8.400.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/8/2024 (bút lục số 65) thì bà R đồng ý trả bà D số tiền hụi còn nợ là 92.250.000đ và đồng ý trả lãi 10%/năm, tương đương 0,833/tháng. Bà D đồng ý nhận số tiền 92.250.000đ do bà R đưa ra, nhưng bà D yêu cầu trả lãi 1,5%/tháng (tranh chấp về lãi suất). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà R trả bà D số tiền hụi hai bên thống nhất tại phiên tòa sơ thẩm với số tiền 92.250.000đ là có căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà R trình bà chỉ đồng ý trả bà D tiền hụi còn nợ là 33.400.000đ và tiền lãi 8.350.000đ, tổng cộng 41.750.000đ.

[3] Xét thấy: các bên đều thừa nhận bà D đóng tiền hụi của 03 dây hụi đầy đủ đến lần thứ 15 thì bà D hốt, tổng số tiền bà D hốt được là 213.900.000đ, nhưng bà R không giao tiền hụi cho bà D ngay khi hốt hụi, sau đó bà R có giao cho bà D được số tiền 109.900.000đ, còn thiếu lại 104.400.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ tổng số tiền bị đơn nợ phát sinh từ 03 dây hụi là 213.900.000đ, tài liệu cung cấp là bản chính do bị đơn viết ra bằng bút bi màu đỏ được công khai tại phiên tòa để bị đơn tiếp cận, bị đơn bà R thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp là do bà R viết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, bêu, phường thì nghĩa vụ của chủ hụi phải giao các phần hụi cho thành viên lĩnh hụi tại mỗi kỳ mở hụi. Như vậy số tiền hụi bà R phải giao cho bà D là 213.900.000đ, nhưng bà R chỉ giao cho bà D được 109.500.000đ, còn lại 104.400.000đ chưa giao, vì vậy buộc bà R trả bà D số tiền còn lại 104.400.000đ là có căn cứ, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền như án sơ thẩm đã tuyên 103.320.000đ là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận, do đó án sơ thẩm xử buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 103.320.000đ là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R không xuất trình được chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà R và giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc buộc bà R và ông P có nghĩa vụ liên đới trả bà D số tiền hụi 103.320.000đ.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà R phải chịu án phí 300.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc R;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 122/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 288, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 15, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, bêu, phường; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm .

1.Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc R và ông Trần Vũ P có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Thị D số tiền nợ hụi là 103.320.000đ (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc R và ông Trần Vũ P có nghĩa vụ nộp số tiền 5.166.000đ (Năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Diễm K phải nộp án phí. Hoàn trả lại bà Phạm Thị Diễm T tạm ứng án phí đã nộp là 2.888.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008851 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc R phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 009328 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Bà R nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình